BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Số (N^0): 321/VAQ06 - 04/15

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG KIỂU LOẠI

DÙNG CHO LINH KIỆN (HỆ THỐNG, ĐỘNG CƠ, KHUNG, CỤM CHI TIẾT, CHI TIẾT) CỦA XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY

TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR SYSTEMS/COMPONENTS

Cấp theo Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Căn cứ Hồ sơ đăng ký số: 0520/15/CH Ngày: 28.12.2015
Pursuant to the Technical document N° *Date*

Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 36 : 2010/BGTVT
Regulation applied

Căn cứ Báo cáo kết quả đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng số: 43015/15/02 Ngày: 25.11.2015
Pursuant to the results of C.O.P examination report N° *Date*

Căn cứ Báo cáo kết quả thử nghiệm số: 1183/KQTN-PX/15 Ngày: 18.12.2015
Pursuant to the results of Testing record N° *Date*

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

General Director of Vietnam Register hereby approves that

Kiểu loại sản phẩm: **Lốp hơi xe mô tô, xe gắn máy**
(System/ Component type)

Nhãn hiệu: **DRC**
(Make)

Số loại: **70/90-17 38P 342**
(Type)

Ký hiệu thiết kế/ký hiệu sản phẩm: **70/90-17 342**
(Design code/component code)

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: **Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng**
(Name and address of manufacturer) Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng

Tên, địa chỉ xưởng sản xuất, lắp ráp: **Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng**
(Name and address of assembly plant) Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng

Kiểu loại sản phẩm nói trên phù hợp với QCVN 36 : 2010/BGTVT
The product is in compliance with the QCVN 36 : 2010/BGTVT

Ghi chú:
- Hàng năm, Giấy chứng nhận này được xem xét đánh giá (Annually this Certificate will be evaluated).

Ngày 30 tháng 12 năm 2015 (Date)
CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
Vietnam Register
General Director

KT. Cục Trưởng Cục Đăng Kiểm Việt Nam
Phó Cục Trưởng

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Đặng Việt Hà

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM XE CƠ GIỚI
VIETNAM REGISTER
VIETNAM MOTOR VEHICLE TESTING CENTER

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
LỐP HƠI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY
TEST REPORT PNEUMATIC TYRES OF MOTORCYLES AND MOPEDS

Số báo cáo: 1884 /KQTN-PX/17
Report No.

VILAS 972

Tên sản phẩm *Component name*	:	*Lốp hơi xe mô tô, xe gắn máy* *Pneumatic tyres of motorcycles and mopeds*
Ký hiệu thiết kế *Design Code*	:	*70/90-17 342*
Cơ sở đăng ký thử nghiệm *Name of client*	:	*Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng*
Địa chỉ *Address of client*	:	*Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hòa Hiệp Bắc, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng, Việt Nam*

Tháng 12 năm 2017
Month year

NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý / *NOTE*

1. Báo cáo thử nghiệm không có chữ ký của Lãnh đạo và dấu của Trung tâm thử nghiệm sẽ không có giá trị.
   Test report without signature of the management and stamp of Vietnam Motor Vehicle Testing Center will be invalid.
2. Báo cáo thử nghiệm bị tẩy xóa, sửa chữa sẽ không có giá trị.
   Erased or modified test report will be invalid.
3. Nếu cơ sở đăng ký thử nghiệm có khiếu nại về kết quả trong báo cáo thử nghiệm thì trong thời gian quy định phải gửi văn bản khiếu nại tới cơ sở thử nghiệm.
   Any client's complaint on the test report should be sent to Vietnam Motor Vehicle Testing Center in writing form within the regulated period of time.
4. Kết quả trong báo cáo thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
   The results of the test report are valid for the sample only.
5. Cơ sở đăng ký thử nghiệm không được sửa đổi nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.
   The client may not modify the content of the report in any form.
6. Nguồn gốc, ký hiệu thiết kế, ký hiệu sản phẩm, số loại, nhãn hiệu sản phẩm ghi theo đăng ký của cơ sở đăng ký thử nghiệm.
   Origin, design code, component code, model code and mark/trademark are in accordance with registration of the client.
7. Trung tâm thử nghiệm xe cơ giới không chịu trách nhiệm về các tranh chấp nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp đối với mẫu thử do cơ sở đăng ký thử nghiệm mang tới.
   Vietnam Motor Vehicle Testing Center is not liable for the dispute of mark/trademark and industrial design of the sample brought by the client.

TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM XE CƠ GIỚI
VIETNAM MOTOR VEHICLE TESTING CENTER

Địa chỉ: 18 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Adress *18 Pham Hung road, My Dinh 2 ward, Nam Tu Liem district, Ha Noi*
Điện thoại: +84 24 37684715 Máy lẻ 816
Telephone *Ext*
Fax: +84 24 37683599
E-mail: vmtc@vr.org.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CỦA TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM XE CƠ GIỚI

TEST REPORT OF VIETNAM MOTOR VEHICLE TESTING CENTER

Số/ *No* 1884 /KQTN-PX/17

Tên sản phẩm *Component name*	*Lốp hơi xe mô tô, xe gắn máy* *Pneumatic tyres of motorcycles and mopeds*	**Ký hiệu thiết kế** *Design Code*	*70/90-17 342*
Cơ sở đăng ký thử nghiệm *Name of client*	*Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng*	**Số loại** / *Model Code*	*70/90-17 38P 342*
		Nhãn hiệu *Mark (Trade mark)*	*DRC*
Cơ sở sản xuất *Name of manufacturer*	*Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng*	**Thời gian giao đủ hồ sơ, mẫu thử** *Date of full delivery of document & sample*	*07/12/2017*
		Số lượng mẫu *Number of samples*	*04*
Địa điểm giao nhận mẫu *Place of sample delivery*	*Trung tâm thử nghiệm xe cơ giới*	**Người giao** *Deliverer*	*Lê Duy Ngữ*
Quy chuẩn áp dụng *Applied Regulation*	*QCVN 36:2010/BGTVT*	**Người nhận** *Recipient*	*Lê Đình Nam*
Căn cứ để thử nghiệm *Basic for test*	*- Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải* *- Văn bản đề nghị thử nghiệm số 1026/DRC ngày 21/11/2017 của Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng* *- Giấy đề nghị thử nghiệm số 385/VAQ ngày 15/11/2017 của Phòng chất lượng xe cơ giới - Cục Đăng kiểm Việt Nam*		

HẠNG MỤC THỬ NGHIỆM VÀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP

TEST ITEMS AND GENERAL ASSESSMENT

STT *No*	Hạng mục thử nghiệm *Test items*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
1	**Kiểm tra kích thước** / *Dimension check*	*Đạt yêu cầu* *Pass*
2	**Thử nghiệm đâm xuyên** / *Strength test*	*Đạt yêu cầu* *Pass*
3	**Thử nghiệm độ bền** / *Durability test*	*Đạt yêu cầu* *Pass*
4	**Thử nghiệm tính năng tốc độ / tải trọng** / *Load / speed performance test*	*Đạt yêu cầu* *Pass*
5	**Thử nghiệm sự biến dạng phồng của lốp do lực ly tâm** *Dynamic growth test*	*Đạt yêu cầu* *Pass*

Kết luận: *Lốp hơi mẫu nêu trên được thử nghiệm và thỏa mãn quy chuẩn QCVN 36:2010/BGTVT*

Conclusion *The above pneumatic tyre samples were tested and satisfied regulation QCVN 36:2010/BGTVT*

Hà nội, ngày 15 tháng 12 năm 2017 *Date*

GIÁM ĐỐC / *DIRECTOR*

Chịu trách nhiệm về kết quả thử nghiệm / *Surveyor*	**Chịu trách nhiệm về soát xét** **(KT. Trưởng Ban)** *Checker (On behalf of Head)*	
Lê Đình Nam	Nguyễn Châm Anh	Lâm Minh Thành
ĐKV hạng III	KSV hạng III	

VILAS 972

TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM XE CƠ GIỚI

ẢNH CHỤP MẪU THỬ NGHIỆM
PHOTOGRAPH(S) OF TEST SAMPLE

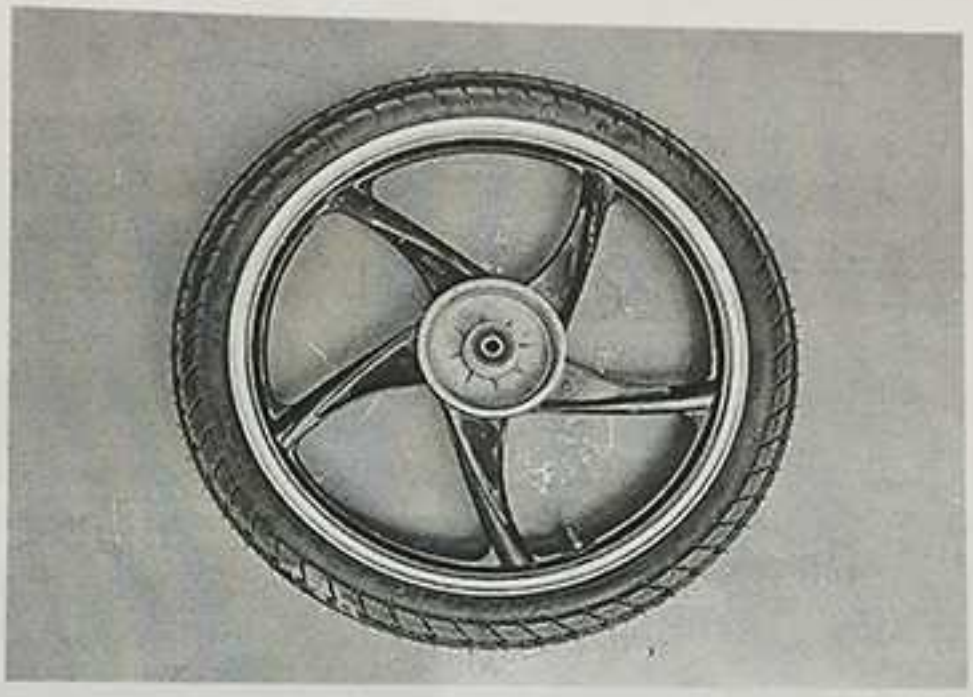

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHỦ YẾU CỦA LỐP HƠI DO CƠ SỞ ĐĂNG KÝ THỬ NGHIỆM ĐĂNG KÝ
PNEUMATIC TYRE TECHNICAL SPECIFICATION REGISTERED BY CLIENT

STT *No*	Thông số kỹ thuật *Technical specification*	Chỉ tiêu kỹ thuật *Value*
1	**Ký hiệu kích cỡ lốp** / *Tyre-size designation*	*70/90-17*
2	**Cấu trúc lốp** / *Structure*	*Lớp mành chéo*
3	**Vành sử dụng để lắp lốp** / *Tyre fitting rim*	*17X1.40, 17X1.60*
4	**Chỉ số khả năng chịu tải** / *Load-capacity index*	*38 (tải trọng tương ứng lớn nhất 132 kg)*
5	**Cấp tốc độ** / *Speed category symbol*	*P (tốc độ tương ứng 150 km/h)*
6	**Loại lốp có/không sử dụng săm** / *Tube type/Tubeless*	*Lốp có sử dụng săm*
7	**Loại sử dụng** / *Category of use*	*Thông thường*
8	**Áp suất hơi tương ứng với tải lớn nhất (kPa)** *Inflation pressure*	*225*
9	**Loại lốp** / *Reinforced/Standard*	*Tiêu chuẩn*

TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM XE CƠ GIỚI

ẢNH CHỤP CÁC KÝ HIỆU TRÊN MẪU THỬ
PHOTOGRAPHS OF SYMBOLS ON TEST TYRES

Hình 1: Nhãn hiệu

Hình 2: Ký hiệu kích cỡ lốp

Hình 3: Chỉ số khả năng chịu tải và cấp tốc độ

Hình 4: Mẫu vân lốp

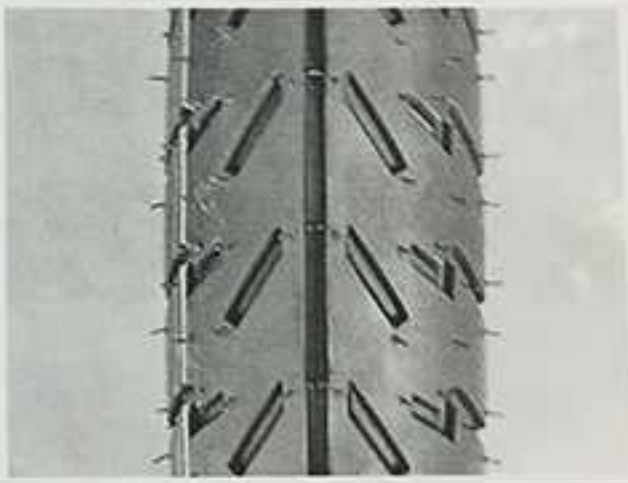

Hình 5: Lốp là loại có/không sử dụng săm

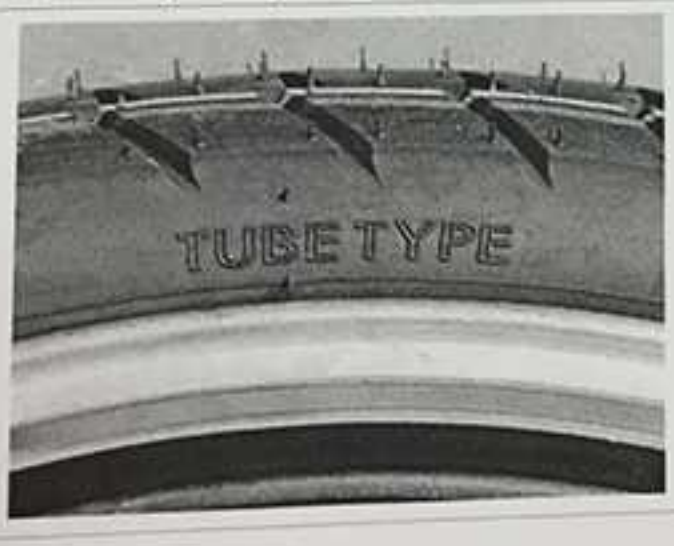

Hình 6: Loại vành thử